

Chương IX.

CƠ CẤU NỀN KINH TẾ. MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Bài 36

CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Hiểu được các khái niệm nguồn lực, các loại nguồn lực.
- Thấy được vai trò của các nguồn lực và phương hướng sử dụng nguồn lực trong phát triển kinh tế.

2. Về kỹ năng

- Phân tích, đánh giá các nguồn lực.
- Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét sơ đồ và các loại nguồn lực.

3. Về thái độ, hành vi

Nhận thức được các nguồn lực và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam và địa phương để từ đó có những nỗ lực trong học tập nhằm phục vụ đất nước sau này.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Sơ đồ nguồn lực
- Hình ảnh minh họa về các nguồn lực của thế giới và Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Những kiến thức trọng tâm

- Các loại nguồn lực trong việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Vai trò của nguồn lực đối với phát triển kinh tế.

Những kiến thức trong bài là cơ sở giúp GV và HS có thể hiểu sâu sắc các vấn đề địa lí kinh tế – xã hội trên phạm vi toàn thế giới, trong từng nước và ở Việt Nam.

GV nên tìm đọc thêm các cuốn sách "*Kinh tế học phát triển*" của Trần Đình Chiểu (chủ biên) và cộng sự. NXB Chính trị quốc gia, H. 2002.

1.1. Khái niệm nguồn lực

- SGK chỉ trình bày khái niệm nguồn lực phát triển kinh tế một cách ngắn gọn nhất, GV nên hiểu sâu và rộng hơn về khái niệm này.
 - + Khái niệm nguồn lực (resource) là toàn bộ những yếu tố trong và ngoài nước đã, đang và sẽ tham gia vào quá trình thúc đẩy, cải biến xã hội của một quốc gia.
 - + Nguồn lực phát triển kinh tế là tổng thể nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhân lực con người, tài sản quốc gia và các yếu tố phi vật chất, bao gồm cả trong và ngoài nước, có khả năng khai thác nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế – xã hội.
- GV hướng cho HS phân biệt nguồn lực và điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội. Thuật ngữ điều kiện tự nhiên nhiều khi bao gồm cả ý nghĩa về mặt điều kiện lắn tài nguyên. Thuật ngữ điều kiện kinh tế – xã hội rất rộng. Khái niệm nguồn lực không đồng nghĩa với điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế – xã hội, mà có tính chất chọn lọc hơn.

1.2. Phân loại nguồn lực

– Trước khi khai thác sơ đồ phân loại nguồn lực trong SGK, GV có thể giới thiệu sơ qua về cách phân loại nguồn lực. Cách phân loại như sơ đồ trong SGK là căn cứ vào nguồn gốc, ngoài ra có thể dựa vào phạm vi lãnh thổ để phân thành nguồn lực trong nước (còn gọi là nội lực) và nguồn lực ngoài nước (còn gọi là ngoại lực).

- GV đi sâu phân tích sơ đồ các loại nguồn lực.
- + **Vị trí địa lý** (địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế – xã hội, địa lí giao thông) tạo ra những khả năng (thuận lợi hay khó khăn) để trao đổi, tiếp cận, giao thoa hay cùng phát triển giữa các quốc gia với nhau. Trong xu thế hội nhập của nền kinh tế thế giới, vị trí địa lí là một nguồn lực để định hướng phát triển có lợi nhất trong phân công lao động toàn thế giới và xây dựng các mối quan hệ song phương hay đa phương của một quốc gia.

- + **Tài nguyên thiên nhiên** (khoáng sản, đất, nước, biển, rừng...) và các điều kiện tự nhiên (thời tiết, khí hậu...) phong phú, đa dạng có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế. Tài nguyên thiên nhiên là nguồn lực quan trọng, là điều kiện cần cho quá trình sản xuất.
- + **Dân cư, nguồn lao động** : được coi là nguồn lực quan trọng, quyết định việc sử dụng các nguồn lực khác cho phát triển kinh tế. Vai trò của dân cư, nguồn lao động với việc phát triển kinh tế thể hiện ở hai khía cạnh chính, thứ nhất là yếu tố đầu vào của hoạt động kinh tế, góp phần tạo ra sản phẩm, tạo ra tăng trưởng. Thứ hai, tham gia tạo cầu của nền kinh tế vì dân cư, nguồn lao động đồng thời tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ. Quy mô và cơ cấu tiêu dùng của nguồn lao động xã hội góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- + **Vốn** : là yếu tố đầu vào cần thiết cho quá trình sản xuất, bản thân chúng lại là kết quả đầu ra của các quá trình sản xuất trước đó. Vốn có vai trò to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế – xã hội của mỗi quốc gia. Sự gia tăng nhanh các nguồn vốn, phân bố và sử dụng chúng một cách có hiệu quả sẽ tác động rất lớn đến tăng trưởng tạo việc làm, tăng tích luỹ cho nền kinh tế. Các nguồn vốn bao gồm :
 - * Các nguồn vốn đầu tư trong nước : được hình thành từ tiết kiệm của ngân sách nhà nước, tiết kiệm của các doanh nghiệp và tiết kiệm của dân cư (các hộ gia đình).
 - * Các nguồn vốn đầu tư nước ngoài bao gồm các nguồn vốn : **Viện trợ phát triển chính thức (ODA)** từ các nước phát triển cho các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy, hỗ trợ quá trình phát triển kinh tế của các nước này. ODA là khoản cho vay ưu đãi thường có tính chất ràng buộc (về nguồn sử dụng hay mục đích sử dụng) và nhạy cảm về chính trị ; **Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO)** là viện trợ không hoàn lại. Nguồn viện trợ NGO tuy nhỏ nhưng có vai trò tích cực ; **vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)** là nguồn vốn của nước ngoài đầu tư trực tiếp vào một nước khác (nước tiếp nhận đầu tư). Các nước đang phát triển nhờ thu hút vốn FDI có thể bù đắp cho sự thiếu hụt của vốn trong nước để đầu tư thúc đẩy kinh tế và tạo việc làm.
- + **Khoa học – kỹ thuật và công nghệ** : góp phần mở rộng khả năng khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực khác (ví dụ khoa học và công nghệ đã làm biến đổi chất lượng nguồn lao động theo hướng chuyển từ lao động cơ bắp sang lao động sử dụng máy móc, lao động trí tuệ, làm tăng năng suất lao động) ; thúc đẩy quá trình hình thành và chuyển dịch

cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, tăng quy mô sản xuất các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao ; đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế ; thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

+ **Chính sách và xu thế phát triển**, cụ thể hơn là thể chế chính trị, cơ chế chính sách, hệ thống pháp luật..., tuy không phải là yếu tố kinh tế, song lại là nguồn lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Một quốc gia có đường lối, chính sách đúng đắn sẽ tập hợp được mọi nguồn lực (cả nội và ngoại lực) phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Hơn nữa hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách không chỉ phù hợp với sự vận động và phát triển kinh tế – xã hội trong nước mà còn phải phù hợp với xu hướng của thế giới và khu vực.

– GV cũng nên biết rõ nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài để giúp HS trả lời câu hỏi giữa bài.

+ Nguồn lực bên trong (nội lực) : gồm có vị trí địa lý, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế – xã hội trong nước.

+ Nguồn lực bên ngoài (ngoại lực) : bao gồm vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lý sản xuất, kinh doanh từ nước ngoài.

Nguồn lực trong nước và nước ngoài có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đây là mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ, bổ sung cho nhau trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau. Xu thế chung là các quốc gia phải chủ động hội nhập quốc tế và tham gia tích cực vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế, song nguồn lực trong nước vẫn giữ vai trò quyết định, còn nguồn lực nước ngoài chỉ đóng vai trò quan trọng.

1.3. Vai trò của nguồn lực đối với phát triển kinh tế

Ngoài việc trình bày các kiến thức trong SGK, GV cần cho HS thấy rõ một thực tế là không phải quốc gia nào cũng có đầy đủ và phát huy được các nguồn lực nói trên. Việc xác định và đánh giá đúng các nguồn lực của mình, biết khai thác những lợi thế cũng như biết khắc phục các trở ngại của những nguồn lực sẵn có đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạch định chiến lược phát triển kinh tế – xã hội ở mỗi nước. Có thể lấy Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po để chứng minh cho nhận xét trên.

Sự thành công của các nước và lãnh thổ công nghiệp mới (NIC) như Đài Loan, Xin-ga-po, Hàn Quốc đã chứng minh cho việc lựa chọn đúng đắn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Do thấy rõ khó có thể phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi đầu tư cao và có truyền thống, các nước này đã lựa chọn chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu, dựa vào nguồn vốn và kĩ thuật từ bên ngoài kết hợp với sử dụng lực lượng lao động dồi dào trong nước và họ đã thành công.

Thành công của Nhật Bản cũng là một minh chứng cho vai trò của chính sách phát triển hơn là dựa vào nguồn tài nguyên giàu có. Với một quyết tâm cao, có chiến lược kinh tế đúng và được Hoa Kì hỗ trợ về vốn và kĩ thuật, Nhật Bản dù là một quốc gia nghèo về tài nguyên tự nhiên, đã lớn mạnh không ngừng và chỉ trong vài chục năm đã trở thành một cường quốc kinh tế, có khả năng cạnh tranh cả với Hoa Kì.

Sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc và Việt Nam trong những năm Đổi mới đã khẳng định vai trò của nguồn lực phi tự nhiên trong việc phát triển kinh tế - xã hội của hai quốc gia này. Chính sách, chiến lược phát triển chứ không phải tài nguyên đã làm thay đổi nhanh chóng diện mạo kinh tế - xã hội của nước ta từ năm 1986 đến nay.

2. Phương pháp dạy học

- Đàm thoại.
- Thảo luận theo nhóm và cả lớp.

IV – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở bài

Quá trình phát triển kinh tế của một lãnh thổ luôn chịu tác động của nhiều nhân tố, như : vị trí địa lí, tự nhiên kinh tế - xã hội. Dưới tác động của các nhân tố này, nền kinh tế có thể phát triển thuận lợi hay gặp khó khăn.

2. Tổ chức dạy học

a) Gợi ý dạy mục I : Khái niệm

GV cần phân tích để HS thấy được :

- Nguồn lực là tác động tổng hợp của nhiều nhân tố đối với sự phát triển của nền kinh tế.

- Nguồn lực không phải là bất biến. Vì vậy, con người có thể làm thay đổi nguồn lực theo hướng có lợi cho mình.

b) Gợi ý dạy mục II : Phân loại nguồn lực

GV lưu ý HS : với những căn cứ khác nhau sẽ có các cách phân loại nguồn lực khác nhau.

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ. Các nhóm trao đổi để hoàn thành nhiệm vụ.
- + Qua sơ đồ, tìm hiểu cách phân loại nguồn lực dựa vào nguồn gốc.
- + Tìm ví dụ cụ thể về các nguồn lực ở nước ta để minh họa cho sơ đồ (mỗi nhóm tìm ví dụ cho 1 - 2 nguồn lực, như : nhóm 1 minh họa cho các nguồn lực đất, khí hậu ; nhóm 2 minh họa cho các nguồn lực nước, biển...).

Sau đó đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp. GV kết luận.

- GV yêu cầu HS căn cứ vào nội dung trong SGK, lập một sơ đồ phân loại nguồn lực theo phạm vi lãnh thổ (dựa vào mẫu sơ đồ phân loại nguồn lực theo nguồn gốc).

1 HS lên trình bày sơ đồ trước lớp.

GV nêu câu hỏi : Tại sao nguồn lực trong nước có tính chất quyết định trong việc phát triển kinh tế của một quốc gia ?

c) Gợi ý dạy mục III : Vai trò của nguồn lực đối với phát triển kinh tế

- GV có thể yêu cầu HS dựa vào SGK để hoàn thành bảng theo mẫu sau :

Nguồn lực	Vai trò
Vị trí địa lý	
Tự nhiên	
Kinh tế – xã hội	

3. Củng cố

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi cuối bài.